

Nâng cao hiệu quả dạy học Văn học địa phương Quảng Ninh qua nghiên cứu thơ vùng mỏ của nhà thơ Trần Nhuận Minh

Nguyễn Thị Minh Thái*

*ThS. Khoa Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long

Received: 20/6/2024; Accepted: 25/6/2024; Published: 01/7/2024

Abstract: Stemming from the objectives of the literature education program, local literature has been incorporated into the school. In Quang Ninh, the distinctive modern literary color of this land reflects the breath and rhythm of the life of mine workers. The modern literature of Quang Ninh is very rich, but to prioritize the name "people of the mining region," no one is more fitting than the poet Tran Nhuon Minh. This article focuses on elucidating the poet's journey to poetry, his maturation process with the theme of the mining region and contributes to affirming the position of Quang Ninh's local literature as well as the effectiveness of studying and researching local literature in Quang Ninh.

Keywords: Local literature, mining region poetry, Tran Nhuon Minh's poetry

1. Đặt vấn đề

Văn học địa phương giữ một vai trò quan trọng trong tiến trình văn học nước nhà, là sự kết tinh những nét đẹp với những đặc trưng bền vững của con người trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Vì vậy, khi đưa văn học địa phương vào trong chương trình, bộ phận này sẽ giúp học sinh hiểu hơn về truyền thống văn hoá, lịch sử và con người nơi các em sinh sống, góp phần và mục tiêu để học sinh giữ gìn và phát huy những giá trị bản sắc của địa phương nói riêng và của đất nước nói chung.

Nhà thơ Trần Nhuận Minh là một trong những người tiên phong xây dựng văn học nghệ thuật Quảng Ninh. Điều đáng nói là, ông sinh ra và lớn lên tại huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương – một vùng đồng chiêm, nhưng thời thanh xuân và phần lớn cuộc đời sau này nhà thơ lại gắn với mảnh đất Quảng Ninh và những người thợ mỏ. Nhà thơ có nhiều năm gắn bó, sáng tác và làm biên tập tại Hội Văn nghệ Quảng Ninh và hoạt động sung mãn ở nhiều địa hạt văn chương: thơ, văn, nghiên cứu phê bình với số lượng tác phẩm tương đối đồ sộ. Vì vậy, nghiên cứu thơ văn của ông, nhất là thơ, có thể thấy được diện mạo con người, văn hoá, lịch sử một thời, nếp sống của vùng than. Đó là những thông tin hữu ích để học tập và giảng dạy văn học địa phương tại Quảng Ninh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vùng than nắng lửa, khắc nghiệt nhưng đầy hào hoa và anh hùng trong thơ Trần Nhuận Minh

Khi nghiên cứu giai đoạn đầu thơ Trần Nhuận Minh, người đọc bước vào thế giới chân thật của vùng

mỏ qua cảm nhận của một nhà thơ bắt nguồn từ “*Tầng đất sét bên bờ sông Kinh Thầy*” - Trần Nhuận Minh. Ông đến với đất Quảng từ những năm 60 của thế kỉ trước. Những bài thơ “*Chiều Yên Tử*”, “*Chơi thuyền trên vịnh Hạ Long*”, “*Thơ xuân viết bên núi Bài Thơ*”... là tiếng hát ca say mê, đầy hào hứng của nhà thơ về cảnh sắc, con người, sinh hoạt, lao động của vùng đất mỏ với giọng điệu đầy sức sống, sự say sưa như muốn ôm trọn hết hiện thực: đó là mùi than sục nức, là đất đá ngổn ngang, những mái tôn hắt nóng, là tiếng máy chạy như rung cả đường hay tiếng mỏ nổ... (*Vùng mỏ*). Nhà thơ chọn ở lại mảnh đất khắc nghiệt đầy bụi và nắng gió mà chính nhà thơ cũng đã từng thốt lên “*Đã bảo đất này không dễ mà yêu... Vậy mà anh chẳng hiểu vì sao/ Anh chẳng thể xa đất này cho được*” và nhà thơ cũng thừa nhận về tình yêu không điều kiện đó của mình: “*Như con tàu chẳng thể xa sóng nước/ Như cánh chim chẳng thể thiếu mây trời*”.

Trần Nhuận Minh với Quảng Ninh là mối “*lương duyên*” ít có. Ông luôn bám sát từng sự kiện của vùng đất mỏ, hình ảnh than còn xuất hiện trong quan niệm của ông về thơ: mỗi trang thơ phải như những “*via than ngâm*”. Thậm chí con số 4 triệu tấn than (vốn là sản lượng pháp lệnh của công nhân mỏ Hồng Gai năm 1975) cũng có thể trở thành tên một bài thơ. Khi sản lượng hoàn thành thì nó không chỉ là niềm vui của những người thợ lò mà nó còn tạo thành một cột sóng cảm xúc mạnh mẽ tới tâm hồn của tác giả: “*Đội vào lòng ngực anh / Như sóng biển đội vào bờ biển...*”

Thơ Trần Nhuận Minh còn tái hiện hình ảnh con người đất Quảng trong lao động và chiến đấu đầy hào

hùng. Đó là con người “*Răng cắn nát vành môi, không một tiếng rên*” để “*Phải để cháu ra đời, /Trong những phút bình yên*” (Chuyện trong hang cấp cứu) hay cảnh “*Núi Bà Thơ cũng chẳng còn hình dáng cũ... Hố bom khoét tim đường nham nhỡ*” (Ánh sáng vùng huỷ diệt) nhưng không thể ngăn được những đoàn xe, những bó thuốc soi đường, những con người anh hùng trong cả chiến đấu và sản xuất hiện lên đầy kiêu hãnh trong thơ ông. Người vùng mỏ trong thơ Trần Nhuận Minh mạnh mẽ hừng hực khí thế trong chiến đấu, anh dũng trong lao động nhưng cũng đầy lãng mạn, hào hoa, hóm hỉnh.

Đó là hình ảnh cô gái “*đứng vẫy đầu đường*” - một nghề đơn giản nhưng sương gió vất vả ở các mỏ lộ thiên: “*Bóng cô nàng in lên nền trời lá mạ/ Tinh khiết như một câu ca dao*”. Hình ảnh người con gái vùng mỏ với vóc dáng nhỏ bé, phảng phất nét người phụ nữ Việt Nam truyền thống nhưng lại “*tạc*” trên nền trời khiến ai cũng rung cảm xao xuyến.

Đó là hình ảnh người thợ lò hào hoa, đầy thi vị, mang tầm vóc sánh với thiên nhiên bằng cả niềm tự hào khôn xiết. Nhân viết “*Trên tầng cao 380*”, nhà thơ đã nói đến tầm vóc mới của người lao động vùng than:

Ồ, nếu ai từ phố thị nhìn lên

Sẽ thấy ngang trời, chúng tôi dựng đứng những bao diêm

Sẽ thấy ngang trời, đất đá phi như ngựa

Bụi mù trời – chiến trường trong truyện cổ tích

Hình ảnh người lao động trong ngành than hiện lên đẹp đẽ, chất lãng mạn và hiện thực hoà quyện một cách nhuần nhuyễn, nâng hình ảnh con người đẹp một cách kì vĩ, đó là vẻ đẹp của tuổi trẻ, của khát vọng sống, lao động và chiến đấu. Hình ảnh người thợ mỏ không phải hình ảnh người lao động duy nhất trong thơ Trần Nhuận Minh nhưng được ông viết bằng một sự say mê, ngưỡng mộ, cảm phục và tự hào. Những guồng than đen, những bụi than, bụi khí độc hại, những chuyến xe ba ca trong hai mươi tư giờ chẳng thể làm mất đi chất nghệ sĩ của con người vùng mỏ, thậm chí còn làm nó trở nên đặc biệt hơn. Điều đáng trân quý nhất ở con người vùng than chính là tinh thần cống hiến “*Làm thật nhiều than*”. Thơ Trần Nhuận Minh góp phần khắc hoạ đậm nét con người Quảng Ninh trong lao động và chiến đấu: say mê lí tưởng, dám sống, cống hiến và hi sinh cho đất nước.

Tim hiểu thơ Trần Nhuận Minh trong văn học địa phương để thấy, con người đất mỏ không hề khô khan vì hoàn cảnh. Ngược lại, người vùng than cũng lãng mạn vì nơi đây được thiên nhiên ưu ái, quạt cường

trong lao động và bất khuất trong đấu tranh. Đó là những vẻ đẹp đáng tự hào, sáng lấp lánh như những hòn than được hun đúc hàng triệu năm trong lòng đất.

2.2. Thơ Trần Nhuận Minh – tiếng nói đưa người lao động vùng than đến các giá trị văn học nhân sinh

Sự vận động của văn học Quảng Ninh cũng nằm trong mạch vận động chung của văn học nước nhà và Trần Nhuận Minh là một trong những người “*đưa sông về biển lớn*” đó. Đây quả thực là một chặng đường gian nan mà đầy ý nghĩa.

Sau năm 1986, trước những chuyển biến của xã hội, hoà chung với không khí đổi mới, cải cách nền văn nghệ nước nhà, Trần Nhuận Minh cũng tha thiết ấp ủ một hướng đi khác cho văn học đất mỏ. Ông hướng ngòi bút tới hiện thực với con người và cuộc sống mưu sinh. Ông nhận ra là, làm thơ không chỉ để thoả mãn cảm xúc mà còn phải đóng góp cho đời, thơ phải đến gần hơn những đốn đau, thiết thời của con người; phải là tiếng nói quyết liệt, mạnh mẽ. Tiếng nói của nhà thơ hoà chung với tiếng ca của dân tộc, của nhân loại từ giai đoạn này.

Qua thơ Trần Nhuận Minh, người nghiên cứu và người học hiểu rõ hơn về đời sống giai cấp công nhân qua nhiều giai đoạn. Trần Nhuận Minh đã “*kí hoạ*” rất nhanh chóng tình cảnh của người lao động ngành than trong nhiều bài thơ, nhiều hoàn cảnh. “*Ven đường*” là bài phản ánh tình cảnh người công nhân thời kì thực hiện thí điểm phương pháp trả lương bằng tín phiếu - một hình thức xa lạ và không thực tế. Trần Nhuận Minh thấu hiểu được những suy nghĩ, cảm xúc của người thợ lò như thể đó là cảm xúc của chính ông: từ những con “*ón lạnh*” đến những cái “*rùng mình*”. Nhà thơ không giấu nổi sự thẫn thẫn, nghẹn ngào trước cuộc sống của người thợ lò ở nền kinh tế bao cấp: đằng sau “*tám áo bạc xanh*”, sau những cố gắng “*có làm thêm than*” là hình ảnh quay quắt nao lòng “*Lũ trẻ trưa nay lại phải treo niêu*”. Lao động cực nhọc nhất chắc khó ngành nào qua được ngành khai thác than, vậy mà đến cả nhu cầu tối thiểu nhất của con người là nuôi bản thân và gia đình họ cũng không làm nổi, vậy số phận, vai trò của họ là gì? Hình ảnh người thợ lò trong những dòng cuối như đánh thức những miền rung động khắc khoải về nhân sinh của con người:

Chẳng còn biết phải làm gì thêm nữa

Anh giờ cao những tín phiếu dấu son

Chợ vắng dần... Chỉ còn mình anh đứng

Như biểu tượng một thời của cả nước non

(Bên đường)

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp thì Quảng Ninh cũng sớm xuất hiện các tệ nạn xã hội. Nơi đây từng oằn mình chống nạn than thô phi, nạn chém giết, thanh trừ nhau của các băng đảng xã hội đen; nạn trộm cắp, mại dâm, ma tuý, kéo theo đó là sự sa đọa về đạo đức từ gia đình đến xã hội. Đồng hành cùng Quảng Ninh những giai đoạn đen tối đó, nhà thơ vừa thấu hiểu sự thay đổi của nhân tình thế thái, của xã hội vừa mở lòng với những số phận con người như là những nạn nhân trót sa chân vào bùn lầy. Ông bày tỏ sự xa xót, bùi ngùi trước thân phận của một cô gái trong “Canh khuya”. Đáng quý hơn cả là sự cảm thông, thấu hiểu, trân trọng, đầy tình người. Bến Hòn Gai còn trăng và rượu, cảnh và người; người lặng thinh đưa cái nhìn ra không gian bao la, đắm chìm trong những suy tư sâu lắng, miên man về một (những) kiếp nhân sinh kém may mắn. Sự im lặng chính là sự chia sẻ, thấu hiểu quý giá mà cảm động hơn bất kì một lời nói an ủi nào.

Trong dòng đời, không ít lần nhà thơ bắt gặp những mảnh đời thương tâm. Tiếng ca nào nức say mê cất lên một thời, giờ đây có lúc trầm lại, nhiều khi lặng đi, bởi lẽ, những dòng than đen được khơi, niềm vui chưa kịp đến, giọt mồ hôi còn chưa kịp khô thì máu đã đổ! Những cái chết đau đớn, oan ức không hề ít

*Cháu đi đào than thô phi
Lấy tiền nuôi mẹ nuôi em
Sập lò, cột đèn gãy nát
Xác buộc tùm trong vải bạt...*

(Cháu đi đào than thô phi)

Trong cuộc chiến mưu sinh, số phận con người thật nhỏ bé, vô thường. Lao động đẹp thật đấy, người lao động hào hùng thật đấy “*Người thợ trên tầng/ Bỏ lưới gầu vào nút ngàn mây trắng... Than đen thành pháo hoa rực rỡ muôn sắc màu bay lên trong đêm hội*” nhưng đằng sau vẻ lộng lẫy ấy luôn có sự hiện diện của lưới hái tử thần. Cái chết rình rập, bủa vây trong từng căn hầm, từng vỉ chống lò, từng tiếng còi báo vào ca; nó còn âm thầm len lỏi từng chút vào tế bào cơ thể người thợ từng giờ, từng ngày, bào mòn và phá hủy sự sống của những người thợ mỏ mà họ không hề hay biết. Và Trần Nhuận Minh đã không né tránh sự thật, sự rình rập đáng sợ đó:

*Nhưng than đen thì vẫn là than đen
Bụi than đen bay mờ mịt công trường
Rời động xuống đen rầm
Từng nang phổi của hàng ngàn thợ mỏ...*

(Người thợ trên tầng)

Nhìn hiện thực một cách trực diện và thẳng thắn

cũng là lúc giọng điệu thơ đi từ say mê hào hứng sang trầm lắng, suy tư. Thơ Trần Nhuận Minh đã đưa các vấn đề nhân sinh, quyền con người, ở đây là của giai cấp công nhân gắn bó với tiến trình văn học của đất nước bằng một hướng đi riêng. Ở giai đoạn đầu những năm 90 của thế kỉ XX, khuynh hướng “nhận thức lại”, đề cao giá trị nhân văn và quyền sống của con người trở dậy mạnh mẽ trong cả thơ ca và văn xuôi. Nhưng nếu các nhà thơ văn chủ yếu khai thác đề tài chiến tranh với những hệ lụy của nó trong thời bình hay đi sâu vào những biến đổi, tha hoá về nhân phẩm của con người thời kì đổi mới thì nhà thơ Trần Nhuận Minh vẫn bền bỉ với ngòi bút của mình, đưa những hình ảnh và đời sống đặc trưng của những người công nhân thợ lò đến gần hơn với các giai tầng khác, góp mảnh ghép vào bức tranh hiện thực xã hội Việt Nam ở giai đoạn lịch sử nhất định.

3. Kết luận

Vùng đất mỏ Quảng Ninh được coi như mảnh đất quê hương thứ hai với nhà thơ Trần Nhuận Minh. Vì vậy, thế giới thơ ông là một bộ phim về mảnh Quảng Ninh giai đoạn từ những năm 60. Nghiên cứu thơ Trần Nhuận Minh giúp giáo viên và học sinh có cái nhìn đầy đủ hơn về đất và người Quảng Ninh, những thành tựu cũng như những thăng trầm biến đổi để thêm yêu quý và tự hào về vùng đất mỏ - nơi không chỉ có than là “vàng đen” của Tổ Quốc mà còn có lịch sử hào hùng và truyền thống bất khuất. Trần Nhuận Minh là người có công trong việc “ghi” lại lịch sử đó. Đất và người Quảng Ninh mãi là “mối tình đầu” đẹp đẽ, trong sáng với những cảm xúc và sự thăng hoa khó quên, để người ta ưu ái gọi ông là “người vùng mỏ”.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Minh Hà, Trần Nhuận Vinh (sưu tầm, biên soạn) (2009), *Trần Nhuận Minh và ba lần định vị cho thơ - Đọc thơ Trần Nhuận Minh của nhiều tác giả*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [2]. Trần Minh Hà, Trần Nhuận Vinh (sưu tầm, biên soạn) (2015), *Trần Nhuận Minh và một hướng tìm diện mạo mới cho thơ*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [3]. Trần Minh Hà, Trần Nhuận Vinh (sưu tầm, biên soạn) (2018), *Trần Nhuận Minh và để những câu thơ hoá thạch thời gian*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4]. Tuấn Ngọc, Đức Dương (2023), *Gặp “Người vùng mỏ” Trần Nhuận Minh*,
Nguồn: <https://baophapluat.vn/gap-nguoi-vung-mo-tran-nhuan-minh-post482862.html>
- [5]. Hoàng Thị Thu Giang (chủ biên), *Văn học Quảng Ninh*, NXB Khoa học xã hội, 2021